TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Tấn Tiên;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Đào.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Phượng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Anh Lê Phước Ý, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số B, đường L, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh. Chị Phạm Thị Như T, sinh năm: 2000; địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28-4-2025).

2. Bị đơn:

Ông Phạm Văn N (tên thường gọi: Phạm Văn N1), sinh năm 1969; CCCD:072069003364. Bà Trần Thị G, sinh năm: 1969; CCCD: 072169000911. Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09-5-2025 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, chị Phạm Thị Như T trình bày:*

Ngày 13-6-2011, ông N bán đất cho bà L với diện tích 307m^2 thuộc thửa 123, tờ bản đồ số 3 để trả nợ và có nói với bà H còn thiếu người ta 400.000.000 đồng, do chị em ruột nên bà H đồng ý cho ông N mượn 400.000.000 đồng vào ngày 14-7-2011 tiền để trả nợ. Bà H có nhờ tiệm photo gần nhà viết giấy nợ nhưng đến ngày 17-7-2011 bà H mới cho ông N vay số tiền 400.000.000 đồng tại nhà ông N, vay không lãi suất, không thoả thuận thời gian trả nợ và ông N ký tên vào giấy nợ, bà G không đồng ý ký tên.

Nội dung giấy nợ thì bà H cho ông N vay tiền để mua đất, xây nhà và không được quyền bán nhưng thực tế bà H cho ông N vay tiền để trả nợ cho xã hội đen bên ngoài.

Theo Kết luận giám định số 1593/KL-KTHS ngày 08-9-2025 của Phòng K Công an tỉnh T thể hiện chữ ký trong giấy mượn nợ tiền ngày 17-7-2011 là của ông N, chữ viết ghi họ tên không phải thì tôi cũng đồng ý. Do thời gian đã lâu bà H không nhớ chữ viết ghi họ tên chính xác của người viết giấy nợ dùm hay của ông N.

Nay bà H cần lấy lại tiền, yêu cầu ông N trả nhưng ông N không trả do đó bà H khởi kiện yêu cầu ông N và bà G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn N trình bày*:

Ông không có vay tiền của chị H để trả nợ cũng như mua đất xây nhà. Giấy mượn nợ tiền ghi ngày 17-7-2011 chị H cung cấp cho Toà án thì ông có xem nhưng ông xác định không có ký tên và nội dung không đúng.

Theo Kết luận giám định 1593/KL-KTHS ngày 08-9-2025 của Phòng K Công an tỉnh T thể hiện chữ ký trong giấy mượn nợ tiền ngày 17-7-2011 là của ông thì ông không đồng ý do ông không ký tên, không mượn tiền. Toà án có giải thích cho ông về việc nếu không đồng ý kết luận giám định thì phải làm đơn yêu cầu giám định lại cấp cao hơn nhưng ông không đề nghị giám định lại.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị G trình bày*:

Bà là vợ của ông Phạm Văn N, bà không có vay tiền của bà H, bà không có biết đến số tiền trên nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Phạm Văn N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông N trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H buộc bà G liên đới trả nợ cho bà H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn N và bà Trần Thị G có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng. Ông N, bà G sinh sống tại ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông N trả số tiền 400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H cung cấp giấy mượn tiền ghi ngày 17-7-2011 có nội dung thể hiện ông Phạm Văn N có mượn của bà H số tiền 400.000.000 đồng, phần cuối giấy nợ có ký tên và viết tên Phạm Văn N1. Tại Toà ông Phạm Văn N xác nhận ngoài tên Phạm Văn N ông còn có tên Phạm Văn N1 nên có căn cứ xác định ông Phạm Văn N và ông Phạm Văn N1 là một người.

Ông N cho rằng chữ ký, chữ viết trong giấy vay không phải của ông. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 1593/KL-KTHS ngày 08-9-2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận chữ ký trong giấy vay tiền là của ông N, chỉ có phần chữ viết "Phạm Văn N" không phải của ông.

Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, hợp đồng vay tài sản được xác lập hợp pháp khi bên vay có hành vi nhận tiền và có chữ ký xác nhận nghĩa vụ. Việc ông N trực tiếp ký xác nhận mượn tiền đã làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Việc chữ viết họ tên trong giấy vay không phải của ông N không làm thay đổi bản chất pháp lý của hợp đồng, vì chữ ký của ông N trên giấy vay đã thể hiện sự tự nguyện cam kết nhận khoản tiền 400.000.000 đồng từ bà H. Ông N không xuất trình chứng cứ nào chứng minh ông không mượn tiền của bà H. Theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự đưa ra ý kiến phản bác. Do đó, lời khai một phía của ông N không đủ căn cứ bác bỏ giấy mượn tiền và kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh T. Từ phân tích trên có cơ sở xác định ông N là người trực tiếp vay tiền của bà H nên có nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000 đồng cho bà H là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H yêu cầu bà Trần Thị G có trách nhiệm liên đới trả số tiền 400.000.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ không thể hiện bà G có tham gia việc vay tiền, giấy vay tiền chỉ có chữ ký của ông N, bà G không ký tên, không tham gia giao dịch cũng không có thỏa thuận cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông N. Đại diện của bà H cũng thừa nhận khi lập giấy vay, bà G không đồng ý ký tên nên không có chứng cứ nào cho thấy bà G cùng vay, cùng nhận hoặc cùng sử dụng khoản tiền này.

Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng: vợ chồng liên đới chịu trách nhiệm về giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đại diện của bà H cũng xác định khoản vay 400.000.000 đồng bà H cho N mượn là để ông N trả nợ bên ngoài nên mục đích không phải để chi tiêu sinh hoạt thiết yếu, không có chứng cứ chứng minh việc mượn tiền của ông N là để phục vụ lợi ích chung của gia đình, đây là nghĩa vụ riêng của ông N. Do đó, không có căn cứ để buộc bà G liên đới cùng ông N trả nợ.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà H tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 2.820.000 đồng. Bà H đã nộp và đã chi xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận. Buộc ông N trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng nên ông N phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 là 20.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Phạm Thị H đối với ông Phạm Văn N.

Buộc ông Phạm Văn N phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H buộc bà Trần Thị G có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả số tiền 400.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bà H tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 2.820.000 đồng. Bà H đã nộp và đã chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn N phải chịu 20.000.000 đồng.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11, Tây Ninh;
- Chi cục THADS Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mai Dung